

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 01 – 2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Nguyễn Văn Hồng;
 - Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 734/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 606/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày, qua tự tìm hiểu nhau, ông T và bà D kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 24/11/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng

có sinh 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 27/3/2017. Hiện tại, 02 con chung đang được ông T nuôi Dưỡng.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, bà D có quan hệ tình cảm yêu thương với người đàn ông khác và hiện đã sinh sống cùng người đàn ông khác, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà D; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi Dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà D cấp Dưỡng nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 360, ngày 24/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Minh T (bản sao); giấy khai sinh số 720 ngày 24/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Quốc K (bản sao); giấy khai sinh số 159 ngày 17/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Bảo T (bản sao).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông T và bà D kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà D có quan hệ tình cảm yêu thương với người đàn ông khác và hiện đã sinh sống cùng người đàn ông khác, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà D. Ông T, bà D không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà D theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T, giao 02 con chung cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi Dưỡng.

Về cấp Dưỡng nuôi con, do ông T không yêu cầu bà D cấp Dưỡng nuôi 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà D; ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi Dưỡng 02 con chung; bà D không phải cấp Dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D. Đồng thời, bà D cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hồng D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông T và bà D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do do bất đồng quan điểm, bà D có quan hệ tình cảm yêu thương với người đàn ông khác và hiện đã sinh sống cùng người đàn ông khác, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T và bà D không còn sống chung khoảng 06 tháng nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà D nhưng bà D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà D là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 27/3/2017, hiện 02 con chung đang sinh sống với ông T, ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi Dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, 02 con chung đang được ông T chăm sóc, nuôi Dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến ngày 12/12/2023 do cán bộ Tòa án lập, cháu Quốc K đã có nguyện vọng sống chung với cha (ông T) khi cha mẹ ly hôn. Cháu T còn nhỏ và sinh sống trực tiếp cùng ông T khi bà D và ông T không còn chung sống, do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi Dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp Dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu bà D cấp Dưỡng nuôi dạy 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 360, ngày 24/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh T được trực tiếp nuôi Dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 27/3/2017. Bà Nguyễn Thị Hồng D không phải cấp Dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Minh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Hồng D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp Dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014557 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023; ông Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Hồng D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng D được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

